DANH MỤC 13 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2385 /QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (05 TTHC)

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td>1</td><td>1.013823.H21</td><td>Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất.</td>
<td>
1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td></td><td>Đối với Tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="3">Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (kể cả trường hợp điều chỉnh quyết định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>1.550.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>2.590.000</td><td>1.550.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="3">Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>930.000</td><td>558.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>1.554.000</td><td>930.000</td></tr>
</table>
2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, cụ thể:
a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).
</td><td>Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 27/11/2025</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
<tr><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th></tr>
<tr><td></td><td colspan="6">Đối với tổ chức</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Cấp lần đầu</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>500.000</td><td>50.000</td><td>250.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>450.000</td><td>50.000</td><td>225.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>50.000</td><td>10.000</td><td>25.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>40.000</td><td>10.000</td><td>20.000</td></tr>
<tr><td>III</td><td colspan="6">Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>250.000</td><td>25.000</td><td>125.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>200.000</td><td>25.000</td><td>100.000</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí, lệ phí:
- Đối với phí thẩm định hồ sơ: Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Đối với Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: Văn phòng Đăng ký đất đai.
</td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>1.013825.H21</td><td>Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất</td><td>
1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Mức thu phí</th></tr>
</table>
</td><td>Quyết định</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><th></th><th></th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td></td><td>Đối với Tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td colspan="3">Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>930.000</td><td>558.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>1.554.000</td><td>930.000</td></tr>
</table>
2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể:
a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).
b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
<tr><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th></tr>
<tr><td></td><td colspan="6">Đối với tổ chức</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>50.000</td><td>10.000</td><td>25.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>40.000</td><td>10.000</td><td>20.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>250.000</td><td>25.000</td><td>125.000</td></tr>
</table>
</td><td>số 2776/QĐ-UBND ngày 27/11/2025</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>200.000</td><td>25.000</td><td>100.000</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí, lệ phí:
- Đối với phí thẩm định hồ sơ: Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Đối với Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: Văn phòng Đăng ký đất đai
</td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>1.013826.H21</td><td>Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.</td><td>
1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td></td><td>Đối với Tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="3">Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (kể cả trường hợp điều chỉnh quyết định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>1.550.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>2.590.000</td><td>1.550.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="3">Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>930.000</td><td>558.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>1.554.000</td><td>930.000</td></tr>
</table>
2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể:
</td><td>Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 27/11/2025</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).
b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
<tr><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th></tr>
<tr><td></td><td colspan="6">Đối với tổ chức</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>50.000</td><td>10.000</td><td>25.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>40.000</td><td>10.000</td><td>20.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>250.000</td><td>25.000</td><td>125.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>200.000</td><td>25.000</td><td>100.000</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí, lệ phí:
- Đối với phí thẩm định hồ sơ: Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Đối với Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: Văn phòng Đăng ký đất đai.
</td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>1.013827.H21</td><td>Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích</td><td>
1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Mức thu phí</th></tr>
</table>
</td><td>Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 27/11/2025</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa.</td><td>
<table>
<tr><th></th><th></th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td></td><td>Đối với Tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="3">Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (kể cả trường hợp điều chỉnh quyết định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>1.550.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>2.590.000</td><td>1.550.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="3">Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>930.000</td><td>558.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>1.554.000</td><td>930.000</td></tr>
</table>
2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể:
a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).
b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th>Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
</table>
</td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp 1</td><td>Trường hợp 2</td><td>Trường hợp 1</td><td>Trường hợp 2</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="6">Đối với tổ chức</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>50.000</td><td>10.000</td><td>25.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>40.000</td><td>10.000</td><td>20.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>250.000</td><td>25.000</td><td>125.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>200.000</td><td>25.000</td><td>100.000</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí, lệ phí:
- Đối với phí thẩm định hồ sơ: Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Đối với Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: Văn phòng Đăng ký đất đai.
</td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td>1.013828.H21</td><td>Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển</td><td>
1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Đối với Tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>1.550.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>2.590.000</td><td>1.550.000</td></tr>
</table>
2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể:
</td><td>Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 27/11/2025</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).
b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
<tr><td>Trường hợp 1</td><td>Trường hợp 2</td><td>Trường hợp 1</td><td>Trường hợp 2</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="6">Đối với tổ chức (cấp lần đầu)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>500.000</td><td>50.000</td><td>250.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>450.000</td><td>50.000</td><td>225.000</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí, lệ phí:
- Đối với phí thẩm định hồ sơ: Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Đối với Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: Văn phòng Đăng ký đất đai
</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="3">Tổng cộng: 05 TTHC</td><td></td><td></td></tr>
</table>

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (08 TTHC)

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td>1</td><td>1.014284.H21</td><td>Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển</td><td>1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
1.1. Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.
1.2. Mức thu:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Đối với Tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>1.550.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>2.590.000</td><td>1.550.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="3">Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200m^2</td><td>615.000</td><td>382.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200m^2 đến dưới 500 m^2</td><td>695.000</td><td>432.000</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500m^2 đến dưới 1.000 m^2</td><td>765.000</td><td>472.000</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000m^2 đến dưới 3.000 m^2</td><td>915.000</td><td>562.000</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000m^2 đến dưới 5.000 m^2</td><td>1.065.000</td><td>652.000</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000m^2 đến dưới 10.000 m^2</td><td>1.205.000</td><td>742.000</td></tr>
</table></td><td>Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 03/9/2025</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>7</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000m^2 trở lên</td><td>1.285.000</td><td>782.000</td></tr>
</table>
2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể:
2.1. Đối tượng miễn lệ phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.
2.2. Mức thu:
a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).
b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
<tr><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Đối với tổ chức (cấp lần đầu)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>500.000</td><td>50.000</td><td>250.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>450.000</td><td>50.000</td><td>225.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Đối với cá nhân, hộ gia đình (cấp lần đầu)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>25.000</td><td>100.000</td><td>12.000</td><td>50.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí, lệ phí: Ủy ban nhân dân các xã, phường
</td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>1.013949.H21</td><td>Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục</td><td>1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:</td><td>Quyết định</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất</td><td>1.1. Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.
1.2. Mức thu:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td>A</td><td>Đối với Tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="3">Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (kể cả trường hợp điều chỉnh quyết định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>1.550.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>2.590.000</td><td>1.550.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="3">Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>930.000</td><td>558.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>1.554.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>B</td><td colspan="3">Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="3">Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (kể cả trường hợp điều chỉnh quyết định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200m^2</td><td>615.000</td><td>382.000</td></tr>
</table></td><td>số 1666/QĐ-UBND ngày 03/9/2025</td></tr>
</table>

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí				Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200m^2 đến dưới 500 m^2	695.000	432.000	
			3	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500m^2 đến dưới 1.000 m^2	765.000	472.000	
			4	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000m^2 đến dưới 3.000 m^2	915.000	562.000	
			5	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000m^2 đến dưới 5.000 m^2	1.065.000	652.000	
			6	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000m^2 đến dưới 10.000 m^2	1.205.000	742.000	
			7	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000m^2 trở lên	1.285.000	782.000	
			II	**Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác**			
			1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200m^2	264.000	156.000	
			2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200m^2 đến dưới 500 m^2	312.000	186.000	
			3	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500m^2 đến dưới 1.000 m^2	354.000	210.000	
			4	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000m^2 đến dưới 3.000 m^2	444.000	264.000	
			5	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000m^2 đến dưới 5.000 m^2	534.000	318.000	
			6	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000m^2 đến dưới 10.000 m^2	618.000	372.000	
			7	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000m^2 trở lên	666.000	396.000	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể: 2.1. Đối tượng miễn lệ phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025. 2.2. Mức thu: a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất). b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp		Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến	
			Trường hợp 1	Trường hợp 2	Trường hợp 1	Trường hợp 2
A	**Đối với tổ chức**					
I	**Cấp lần đầu**					
a	Các phường	đồng/giấy	100.000	500.000	50.000	250.000
b	Các xã	đồng/giấy	100.000	450.000	50.000	225.000
II	**Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận**					
a	Các phường	đồng/giấy	20.000	50.000	10.000	25.000
b	Các xã	đồng/giấy	20.000	40.000	10.000	20.000
III	**Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)**					
a	Các phường	đồng/giấy	50.000	250.000	25.000	125.000
b	Các xã	đồng/giấy	50.000	200.000	25.000	100.000
B	**Đối với cá nhân, hộ gia đình**					
I	**Cấp lần đầu**					

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>25.000</td><td>100.000</td><td>12.000</td><td>50.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>20.000</td><td>10.000</td><td>10.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
<tr><td>III</td><td colspan="6">Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>20.000</td><td>10.000</td><td>10.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí:
- Đối với Phí thẩm định hồ sơ: Ủy ban nhân dân các xã, phường
- Đối với Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:
+ Cấp lần đầu: Ủy ban nhân dân các xã, phường
+ Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận; Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận): Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.
</td><td></td></tr>
<tr><td>3</td><td>1.013950.H21</td><td>Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất</td><td>
1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
1.1. Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.
1.2. Mức thu:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Đối với Tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td><td>Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 03/9/2025</td></tr>
</table>

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí				Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
				Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác			
			1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2	930.000	558.000	
			2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên	1.554.000	930.000	
			II	**Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài**			
				Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác			
			1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200m^2	264.000	156.000	
			2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200m^2 đến dưới 500 m^2	312.000	186.000	
			3	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500m^2 đến dưới 1.000 m^2	354.000	210.000	
			4	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000m^2 đến dưới 3.000 m^2	444.000	264.000	
			5	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000m^2 đến dưới 5.000 m^2	534.000	318.000	
			6	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000m^2 đến dưới 10.000 m^2	618.000	372.000	
			7	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000m^2 trở lên	666.000	396.000	
			2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể: 2.1. Đối tượng miễn lệ phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025. 2.2. Mức thu:				

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).
b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
<tr><td>Trường hợp 1</td><td>Trường hợp 2</td><td>Trường hợp 1</td><td>Trường hợp 2</td></tr>
<tr><td>A</td><td colspan="6">Đối với tổ chức</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>50.000</td><td>10.000</td><td>25.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>40.000</td><td>10.000</td><td>20.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>250.000</td><td>25.000</td><td>125.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>200.000</td><td>25.000</td><td>100.000</td></tr>
<tr><td>B</td><td colspan="6">Đối với cá nhân, hộ gia đình</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>20.000</td><td>10.000</td><td>10.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)</td></tr>
</table>
</td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>20.000</td><td>10.000</td><td>10.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí, lệ phí:
- Đối với Phí thẩm định hồ sơ: Ủy ban nhân dân các xã, phường
- Đối với Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.
</td><td></td></tr>
<tr><td>4</td><td>1.013952.H21</td><td>Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư</td><td>
1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
1.1. Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.
1.2. Mức thu:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td>A</td><td>Đối với Tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="3">Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (kể cả trường hợp điều chỉnh quyết định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>1.550.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>2.590.000</td><td>1.550.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="3">Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác</td></tr>
</table>
</td><td>Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 03/9/2025</td></tr>
</table>

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí				Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2	930.000	558.000	
			2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên	1.554.000	930.000	
			B	**Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài**			
			I	**Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (kể cả trường hợp điều chỉnh quyết định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)**			
			1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200m^2	615.000	382.000	
			2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200m^2 đến dưới 500 m^2	695.000	432.000	
			3	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500m^2 đến dưới 1.000 m^2	765.000	472.000	
			4	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000m^2 đến dưới 3.000 m^2	915.000	562.000	
			5	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000m^2 đến dưới 5.000 m^2	1.065.000	652.000	
			6	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000m^2 đến dưới 10.000 m^2	1.205.000	742.000	
			7	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000m^2 trở lên	1.285.000	782.000	
			II	**Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác**			
			1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200m^2	264.000	156.000	
			2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200m^2 đến dưới 500 m^2	312.000	186.000	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh

3	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500m^2 đến dưới 1.000 m^2	354.000	210.000
4	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000m^2 đến dưới 3.000 m^2	444.000	264.000
5	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000m^2 đến dưới 5.000 m^2	534.000	318.000
6	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000m^2 đến dưới 10.000 m^2	618.000	372.000
7	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000m^2 trở lên	666.000	396.000

2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể:

2.1. Đối tượng miễn lệ phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.

2.2. Mức thu:

a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).

b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp		Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến	
			Trường hợp 1	Trường hợp 2	Trường hợp 1	Trường hợp 2
A	**Đối với tổ chức**					
I	**Cấp lần đầu**					
a	Các phường	đồng/giấy	100.000	500.000	50.000	250.000

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh

b	Các xã	đồng/giấy	100.000	450.000	50.000	225.000
II	**Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận**					
a	Các phường	đồng/giấy	20.000	50.000	10.000	25.000
b	Các xã	đồng/giấy	20.000	40.000	10.000	20.000
III	**Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)**					
a	Các phường	đồng/giấy	50.000	250.000	25.000	125.000
b	Các xã	đồng/giấy	50.000	200.000	25.000	100.000
B	**Đối với cá nhân, hộ gia đình**					
I	**Cấp lần đầu**					
a	Các phường	đồng/giấy	25.000	100.000	12.000	50.000
b	Các xã	đồng/giấy	Miễn	Miễn	Miễn	Miễn
II	**Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận**					
a	Các phường	đồng/giấy	20.000	20.000	10.000	10.000
b	Các xã	đồng/giấy	Miễn	Miễn	Miễn	Miễn
III	**Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)**					
a	Các phường	đồng/giấy	20.000	20.000	10.000	10.000
b	Các xã	đồng/giấy	Miễn	Miễn	Miễn	Miễn

3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán "Tại thời điểm nhận kết quả".

4. Cơ quan thu phí, lệ phí:

- Đối với Phí thẩm định hồ sơ: Ủy ban nhân dân các xã, phường
- Đối với Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:

+ Cấp lần đầu: Ủy ban nhân dân các xã, phường

+ Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận; Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận): Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td>5</td><td>1.013953.H21</td><td>Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa</td><td>
1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
1.1. Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.
1.2. Mức thu:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td>A</td><td>Đối với Tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="3">Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (kể cả trường hợp điều chỉnh quyết định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>1.550.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>2.590.000</td><td>1.550.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="3">Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>930.000</td><td>558.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>1.554.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>B</td><td colspan="3">Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="3">Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (kể cả trường hợp điều chỉnh quyết định; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200m^2</td><td>615.000</td><td>382.000</td></tr>
</table>
</td><td>Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 03/9/2025</td></tr>
</table>

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí				Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200m^2 đến dưới 500 m^2	695.000	432.000	
			3	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500m^2 đến dưới 1.000 m^2	765.000	472.000	
			4	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000m^2 đến dưới 3.000 m^2	915.000	562.000	
			5	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000m^2 đến dưới 5.000 m^2	1.065.000	652.000	
			6	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000m^2 đến dưới 10.000 m^2	1.205.000	742.000	
			7	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000m^2 trở lên	1.285.000	782.000	
			II	**Đăng ký biến động đất đai (cấp mới giấy chứng nhận/xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp) - Các loại hồ sơ khác**			
			1	Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200m^2	264.000	156.000	
			2	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200m^2 đến dưới 500 m^2	312.000	186.000	
			3	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500m^2 đến dưới 1.000 m^2	354.000	210.000	
			4	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000m^2 đến dưới 3.000 m^2	444.000	264.000	
			5	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000m^2 đến dưới 5.000 m^2	534.000	318.000	
			6	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000m^2 đến dưới 10.000 m^2	618.000	372.000	
			7	Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000m^2 trở lên	666.000	396.000	
			2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể:				

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>2.1. Đối tượng miễn lệ phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.
2.2. Mức thu:
a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).
b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
<tr><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th></tr>
<tr><td>A</td><td colspan="6">Đối với tổ chức</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Cấp lần đầu</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>500.000</td><td>50.000</td><td>250.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>450.000</td><td>50.000</td><td>225.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>50.000</td><td>10.000</td><td>25.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>40.000</td><td>10.000</td><td>20.000</td></tr>
<tr><td>III</td><td colspan="6">Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>250.000</td><td>25.000</td><td>125.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>50.000</td><td>200.000</td><td>25.000</td><td>100.000</td></tr>
<tr><td>B</td><td colspan="6">Đối với cá nhân, hộ gia đình</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Cấp lần đầu</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>25.000</td><td>100.000</td><td>12.000</td><td>50.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
</table></td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>20.000</td><td>10.000</td><td>10.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
<tr><td>III</td><td colspan="6">Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>20.000</td><td>20.000</td><td>10.000</td><td>10.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí:
- Đối với Phí thẩm định hồ sơ: Ủy ban nhân dân các xã, phường
- Đối với Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:
+ Cấp lần đầu: Ủy ban nhân dân các xã, phường
+ Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận; Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp tách giấy chứng nhận): Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.
</td><td></td></tr>
<tr><td>6</td><td>1.012753.H21</td><td>Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất</td><td>
1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td></td><td>Đối với tổ chức</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>1.550.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>2.590.000</td><td>1.550.000</td></tr>
</table>
2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể:
</td><td>Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 27/11/2025</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).
b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
<tr><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th></tr>
<tr><td></td><td colspan="6">Đối với tổ chức</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>500.000</td><td>50.000</td><td>250.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>450.000</td><td>50.000</td><td>225.000</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí:
- Đối với trường hợp sử dụng đất theo hình thức quy định tại Điều 118 và khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai hoặc trường hợp quy định tại Điều 119 và khoản 2 Điều 120 Luật Đất đai mà được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: Ủy ban nhân dân các xã, phường thu phí, lệ phí.
- Đối với trường hợp tổ chức trong nước đang sử dụng đất theo hình thức quy định tại Điều 119 và khoản 2 Điều 120 Luật Đất đai mà không thuộc trường hợp được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê:
+ Phí Thẩm định hồ sơ: Chi cục Quản lý đất đai.
+ Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: Văn phòng Đăng ký đất đai.
</td><td></td></tr>
<tr><td>7</td><td>1.013978.H21</td><td>Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng</td><td>
1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
1.1. Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.
1.2. Mức thu:
</td><td>Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 27/11/2025</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</td><td>

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN

<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td></td><td colspan="3">Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200m^2</td><td>615.000</td><td>382.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200m^2 đến dưới 500 m^2</td><td>695.000</td><td>432.000</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500m^2 đến dưới 1.000 m^2</td><td>765.000</td><td>472.000</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000m^2 đến dưới 3.000 m^2</td><td>915.000</td><td>562.000</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000m^2 đến dưới 5.000 m^2</td><td>1.065.000</td><td>652.000</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000m^2 đến dưới 10.000 m^2</td><td>1.205.000</td><td>742.000</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000m^2 trở lên</td><td>1.285.000</td><td>782.000</td></tr>
</table>

2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể:

2.1. Đối tượng miễn lệ phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.

2.2. Mức thu:

a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).

b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia

</td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th rowspan="2">Đơn vị tính</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th colspan="2">Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
<tr><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th><th>Trường hợp 1</th><th>Trường hợp 2</th></tr>
<tr><td></td><td colspan="6">Đối với cá nhân, hộ gia đình</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="6">Cấp lần đầu</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>25.000</td><td>100.000</td><td>12.000</td><td>50.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí, lệ phí: Ủy ban nhân dân các xã, phường.</td><td></td></tr>
<tr><td>8</td><td>1.012818.H21</td><td>Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi</td><td>1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể:
1.1. Đối tượng miễn phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.
1.2. Mức thu:
Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ/GCN
<table>
<tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Nội dung</th><th colspan="2">Mức thu phí</th></tr>
<tr><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các phường</th><th>Đối với hồ sơ có vị trí đất tại các xã</th></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="3">Đối với tổ chức (cấp lần đầu)</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 1000m^2</td><td>1.550.000</td><td>930.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1000m^2 trở lên</td><td>2.590.000</td><td>1.550.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="3">Đối với cá nhân, hộ gia đình (cấp lần đầu)</td></tr>
</table></td><td>Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 27/11/2025</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>1</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất dưới 200m^2</td><td>615.000</td><td>382.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 200m^2 đến dưới 500 m^2</td><td>695.000</td><td>432.000</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 500m^2 đến dưới 1.000 m^2</td><td>765.000</td><td>472.000</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 1.000m^2 đến dưới 3.000 m^2</td><td>915.000</td><td>562.000</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 3.000m^2 đến dưới 5.000 m^2</td><td>1.065.000</td><td>652.000</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 5.000m^2 đến dưới 10.000 m^2</td><td>1.205.000</td><td>742.000</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Hồ sơ có diện tích thửa đất từ 10.000m^2 trở lên</td><td>1.285.000</td><td>782.000</td></tr>
</table>
2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất, cụ thể:
2.1. Đối tượng miễn lệ phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025.
2.2. Mức thu:
a. Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).
b. Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận đã cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp</th><th>Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến</th></tr>
</table>
</td><td></td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mã số TTHC</th><th>Tên TTHC</th><th>Mức thu phí, lệ phí</th><th>Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>Trường hợp 1</td><td>Trường hợp 2</td><td>Trường hợp 1</td><td>Trường hợp 2</td></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="6">Đối với tổ chức (Cấp lần đầu)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>500.000</td><td>50.000</td><td>250.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>100.000</td><td>450.000</td><td>50.000</td><td>225.000</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="6">Đối với cá nhân, hộ gia đình (cấp lần đầu)</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Các phường</td><td>đồng/giấy</td><td>25.000</td><td>100.000</td><td>12.000</td><td>50.000</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Các xã</td><td>đồng/giấy</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td><td>Miễn</td></tr>
</table>
3. Thời điểm thu phí và lệ phí: Thu phí và lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nhận kết quả”.
4. Cơ quan thu phí, lệ phí: Ủy ban nhân dân các xã, phường.
</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="3">Tổng cộng: 08 TTHC</td><td></td><td></td></tr>
</table>